TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/DS-ST
Ngày: 05-4-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mý

2. Ông Nguyễn Như Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05-4-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 181/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-DS ngày 14-02-2022, giữa:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N; địa chỉ: Số H, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn : Ông Cao Tấn Đức – Phó Giám đốc phụ trách điều hành Ngân hàng N Chi nhánh huyện G Đông Gia Lai; địa chỉ: Số H, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn*:

1. Ông Đào Văn S; địa chỉ: Làng N, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Bà Lê Thị L; địa chỉ: Làng M, xã R, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng N (Ngân hàng) thông qua Chi nhánh huyện G Đông Gia Lai cho ông Đào Văn S và bà Lê Thị L vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 2768/2018/HĐTD ngày 13-9-2018, kèm theo báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ 5005LDS201905162 ngày 06-9-2019, số tiền vay là 150.000.000 đồng, mục đích vay là chăm sóc 0,5ha cà phê và chăn nuôi bò, mua sắm vật dụng gia đình, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 10%/năm, phân kỳ trả nợ gốc là 01 kỳ vào ngày 06-9-2020. Kỳ hạn trả lãi tiền vay là 06 tháng/lần vào ngày 20 của tháng thứ 6 (có thỏa thuận trả lãi hàng tháng).

Khi vay tiền, để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng trên giữa Ngân hàng với ông Đào Văn S và bà Lê Thị L có giao kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 460918/HĐTC ngày 12-9-

2018. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 183, tờ bản đồ số 50 tại thôn T, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai, được Sở Tài nguyên – Môi trường tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 822070 ngày 20-8-2018; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 82, tờ bản đồ số 50 tại thôn T, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai, được Sở Tài nguyên – Môi trường tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 822868 ngày 23-8-2018.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đào Văn S và bà Lê Thị L đã trả được cho Ngân hàng tiền lãi đến ngày 06-12-2019 với số tiền là 3.780.822 đồng, sau đó không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi như đã cam kết nên từ ngày 08-9-2020 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số tiền nợ nợ gốc sang nợ quá hạn. Do ông Đào Văn S và bà Lê Thị Lvi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đào Văn S và bà Lê Thị L phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 05-4-2022 là 195.739.726 đồng, trong đó nợ gốc là 150.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 34.397.260 đồng, nợ lãi trong hạn là 11.342.466 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ. Trường hợp ông Đào Văn S và bà Lê Thị L không trả được số nợ trên thì Ngân hàng yêu cầu Tòa án cho phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp nêu trên để thu hồi nợ; Về chi phí tố tụng, Ngân hàng yêu cầu ông Đào Văn S và bà Lê Thị L phải trả lại cho Ngân hàng toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng.

2. Tại biên bản lấy lời khai ngày 19-10-2021, bị đơn là ông Đào Văn S trình bày: Ông Đào Văn S và bà Lê Thị L vay tiền của Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 2768/2018/HĐTD ngày 13-9-2018, kèm theo báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ 5005LDS201905162 ngày 06-9-2019, số tiền vay là 150.000.000 đồng, mục đích vay là chăm sóc 0,5ha cà phê và chăn nuôi bò, mua sắm vật dụng gia đình, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 10%/năm, phân kỳ trả nợ gốc là 01 kỳ vào ngày 06-9-2020. Kỳ hạn trả lãi tiền vay là 06 tháng/lần vào ngày 20 của tháng thứ 6 (có thỏa thuận trả lãi hàng tháng). Khi vay tiền, để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng trên giữa Ngân hàng với ông Đào Văn S và bà Lê Thị L có giao kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 460918/HĐTC ngày 12-9-2018. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 183, tờ bản đồ số 50 tại thôn T, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai, được Sở Tài nguyên – Môi trường tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 822070 ngày 20-8-2018; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 82, tờ bản đồ số 50 tại thôn T, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai, được Sở Tài nguyên – Môi trường tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 822868 ngày 23-8-2018.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đào Văn S và bà Lê Thị L đã trả được cho Ngân hàng tiền lãi đến ngày 06-12-2019 với số tiền là 3.780.822 đồng, sau đó không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi như đã cam kết. Nay

ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ, do không điều kiện trả nợ nên ông Đào Văn S đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn là bà Lê Thị L đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng bà Lê Thị L cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của bà Lê Thị L.

4. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: Hợp đồng tín dụng số 2768/2018/HĐTD ngày 13-9-2018, kèm theo báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ 5005LDS201905162 ngày 06-9-2019; Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn ngày 13-9-2018; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 460918/HĐTC ngày 12-9-2018; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 822070 ngày 20-8-2018; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 822868 ngày 23-8-2018; Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp; Bảng kê tính lãi; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 20-02-2017; Quyết định bổ nhiệm lại cán bộ ngày 22-02-2019; Quyết định ủy quyền ngày 27-12-2019; Thông báo về việc ủy quyền hết hiệu lực số 506/NHNo.IGĐGL-KHKD ngày 01-7-2021; Quyết định về việc giao nhiệm vụ đối với cán bộ số 1152/QĐ- NHNo –TCTL ngày 17-6-2021; Quyết định về sửa đổi, bổ sung Điều lệ ngày 18-12-2019; Quyết định ban hành Điều lệ ngày 23-4-2012; Điều lệ Ngân hàng N; Danh sách mạng lưới chi nhánh Ngân hàng N; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01-12-2021; Biên bản lấy lời khai của ông Đào Văn S ngày 19-10-2021.

5. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Hợp đồng giao kết giữa hai bên chủ thể trong đó có một bên chủ thể Ngân hàng là tổ chức tín dụng có đăng ký kinh doanh và một bên là bị đơn không có đăng ký kinh doanh nên được xác định là hợp đồng dân sự về tín dụng và pháp luật áp dụng là Bộ luật Dân sự và Luật Các tổ chức tín dụng; Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình trốn tránh, không có mặt theo giấy triệu tập, không cung cấp chứng cứ nên phải chịu

trách nhiệm về việc không chứng minh được và Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hợp đồng tín dụng số 2768/2018/HĐTD ngày 13-9-2018, kèm theo báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ 5005LDS201905162 ngày 06-9-2019 giữa nguyên đơn với bị đơn được giao kết hợp pháp nên có hiệu lực, các bên trong hợp đồng có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo các hợp đồng đã được giao kết nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, buộc ông Đào Văn S và bà Lê Thị L phải liên đới trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 05-4-2022 là 195.739.726 đồng, trong đó nợ gốc là 150.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 34.397.260 đồng, nợ lãi trong hạn là 11.342.466 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa Ngân hàng với ông Đào Văn S và bà Lê Thị L có giao kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 460918/HĐTC ngày 12-9-2018. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 183, tờ bản đồ số 50 tại thôn T, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai, được Sở Tài nguyên – Môi trường tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 822070 ngày 20-8-2018; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 82, tờ bản đồ số 50 tại thôn T, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai, được Sở Tài nguyên – Môi trường tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 822868 ngày 23-8-2018. Qua kết quả xem xét và thẩm định tại chỗ ngày 02-12-2021 thấy rằng, quyền sử dụng đất và tài sản trên đất được thế chấp nói trên đều không có tranh chấp. Vì vậy căn cứ vào Điều 299 của Bộ luật Dân sự, hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng.

[3] Về chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng Dân sự buộc ông Đào Văn S và bà Lê Thị L phải liên đới hoàn trả lại cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 288, Điều 299, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

- Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

2. Buộc ông Đào Văn S và bà Lê Thị L phải liên đới trả cho Ngân hàng N tổng số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 2768/2018/HĐTD ngày 13-9-2018, kèm theo báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ 5005LDS201905162 ngày 06-9-2019 tính đến ngày 05-4-2022 là 195.739.726 đồng (một trăm chín mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), nợ lãi quá hạn là 34.397.260 đồng (ba mươi bốn triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi đồng), nợ lãi trong hạn là 11.342.466 đồng (mười một triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng) và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ.

3. Trong trường hợp ông Đào Văn S và bà Lê Thị L không trả đủ số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 460918/HĐTC ngày 12-9-2018. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 183, tờ bản đồ số 50 tại thôn T, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai, được Sở Tài nguyên – Môi trường tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 822070 ngày 20-8-2018; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 82, tờ bản đồ số 50 tại thôn T, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai, được Sở Tài nguyên – Môi trường tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 822868 ngày 23-8-2018.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Đào Văn S và bà Lê Thị L phải liên đới hoàn trả lại cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

6. Về án phí: Buộc ông Đào Văn S và bà Lê Thị L phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.786.986 đồng (chín triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng). Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.104.932 đồng (năm triệu một trăm không bốn nghìn chín trăm ba mươi hai đồng) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0008294 ngày 13-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên toà thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Đính